

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG
NÔNG NGHIỆP**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

343 Đội Cấn, quận Ba Đình

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Đặng Thế Vinh
Ông Đỗ Quang Vinh
Ông Phạm Đức Tuấn
Ông Dương Văn Thành
Ông Hà Sỹ Vĩnh
Ông Nguyễn Hồng Long
Bà Bùi Minh Hương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)

Ban Kiểm soát

Ông Mai Khánh Chung
Ông Lê Quang Trung
Bà Lưu Thị Việt Hoa
Bà Tô Thị Phương Loan

Trưởng ban
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012)

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Đỗ Minh Hoàng
Bà Hoàng Thị Tính
Ông Quách Tá Khang

Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Văn Minh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Số: *216* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa được soát xét. Việc trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thuyết minh tương ứng chỉ có tính chất tham khảo do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		844.496.174.033	1.479.220.418.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		62.779.916.071	46.819.510.177
1. Tiền mặt tại quỹ	111		2.896.995.119	2.198.761.851
2. Tiền gửi ngân hàng	112		59.882.920.952	44.620.748.326
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	590.386.678.275	520.868.652.778
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		50.000.000.000	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		540.386.678.275	520.868.652.778
III. Các khoản phải thu	130	5	180.428.938.639	903.261.938.954
1. Phải thu khách hàng	131		163.436.987.261	885.470.299.043
2. Trả trước cho người bán	132		177.707.887	345.316.000
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		32.647.687	-
4. Các khoản phải thu khác	138		20.113.983.898	19.304.461.134
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.332.388.094)	(1.858.137.223)
IV. Hàng tồn kho	140		1.318.757.279	982.219.526
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		1.270.613.498	907.982.018
2. Công cụ, dụng cụ	143		48.143.781	74.237.508
V. Tài sản lưu động khác	150		9.581.883.769	7.288.096.595
1. Tạm ứng	151		5.442.760.123	2.167.491.759
2. Chi phí trả trước	152		4.139.123.646	5.120.604.836
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		80.036.408.843	85.089.466.966
I. Tài sản cố định	210		62.890.757.882	17.679.290.329
1. Tài sản cố định hữu hình	211	6	51.369.427.695	4.039.566.924
- Nguyên giá	212		62.547.758.306	13.496.381.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(11.178.330.611)	(9.456.814.482)
2. Tài sản cố định vô hình	217	7	11.521.330.187	13.639.723.405
- Nguyên giá	218		12.159.973.662	14.166.963.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(638.643.475)	(527.240.257)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	8	10.754.909.600	60.935.285.276
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		14.719.049.811	65.136.880.000
2. Đầu tư dài hạn khác	228		-	4.469.045.276
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		(3.964.140.211)	(8.670.640.000)
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.390.741.361	6.474.891.361
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		390.741.361	474.891.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		924.532.582.876	1.564.309.884.996

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011 (Phân loại lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		495.419.735.694	1.127.224.422.747
I. Nợ ngắn hạn	310		233.341.500.421	160.562.802.207
1. Phải trả người bán	313	9	151.465.502.264	131.852.430.361
2. Người mua trả tiền trước	314		442.652.216	1.802.099.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	10	7.960.363.793	3.572.714.942
4. Phải trả công nhân viên	316		43.082.974.445	18.881.993.649
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	11	20.918.879.792	2.083.568.848
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		9.471.127.911	2.369.995.353
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	12	261.430.575.484	966.013.960.751
1. Dự phòng phí	331		167.123.104.571	158.821.887.127
2. Dự phòng bồi thường	333		58.500.662.039	776.985.296.368
3. Dự phòng dao động lớn	334		35.806.808.874	30.206.777.256
III. Nợ khác	340		647.659.789	647.659.789
1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		5.000.000	5.000.000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335		52.843.193	52.843.193
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	421		589.816.596	589.816.596
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		429.112.847.182	437.085.462.249
I. Nguồn vốn, quỹ	410	13	429.112.847.182	437.085.462.249
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			12.000.000.000	12.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ			(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	414		4.575.165.052	1.859.374.902
5. Quỹ dự phòng tài chính	415		2.715.790.150	-
6. Quỹ dự trữ bất buộc	416		5.524.474.489	5.524.474.489
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		38.195.817.491	51.600.012.858
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		924.532.582.876	1.564.309.884.996

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/6/2012	31/12/2011
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	70.535.547.627	75.711.502.191
2. Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	63.807,46	186.391,04



Nguyễn Văn Minh
 Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Trí
 Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DNBH
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		211.871.513.886	204.984.246.113
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		10.039.670.193	9.355.650.856
3. Các khoản giảm trừ:	03		35.243.463.487	44.361.515.870
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		34.081.710.090	43.404.286.070
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.161.753.397	957.229.800
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		(8.301.217.444)	(8.225.152.270)
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		8.201.223.092	11.040.599.703
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		109.935.455	154.256.043
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		109.935.455	154.256.043
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		186.677.661.695	172.948.084.575
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		48.503.622.517	66.264.721.966
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		3.662.774.381	5.275.959.252
10. Các khoản giảm trừ	17		5.865.552.596	15.957.998.134
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		5.587.102.096	15.377.158.238
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		72.691.000	533.072.627
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		205.759.500	47.767.269
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		46.300.844.302	55.582.683.084
12. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		22.704.468	5.099.351.433
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24		5.600.031.618	5.724.053.661
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		39.509.189.023	32.310.811.446
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		36.813.020.575	30.140.918.187
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		2.696.168.448	2.169.893.259
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		91.432.769.411	98.716.899.624
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		95.244.892.284	74.231.184.951
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	14	88.195.174.637	59.100.700.744
18. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		7.049.717.647	15.130.484.207
19. Doanh thu hoạt động tài chính	46	15	39.282.457.938	35.922.679.208
20. Chi phí hoạt động tài chính	47	16	(4.624.304.283)	193.921.532
21. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		43.906.762.221	35.728.757.676
22. Thu nhập hoạt động khác	52		2.269.495	17.890.000
23. Chi phí hoạt động khác	53		-	30.000.000
24. Lợi nhuận hoạt động khác	54		2.269.495	(12.110.000)
25. Tổng lợi nhuận kế toán	55		50.958.749.363	50.847.131.883
26. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		51.051.727.487	50.967.131.883
27. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	17	12.762.931.872	12.741.782.971
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		38.195.817.491	38.105.348.912
29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		18	1.036,75	1.034,30



Nguyễn Văn Minh
 Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Trí
 Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	230.570.186.634	237.218.051.177
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	50.012.438	411.072.278
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	227.615.690.372	248.933.755.633
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(50.365.666.905)	(65.546.822.462)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(43.463.073.126)	(48.014.688.680)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(62.942.864.869)	(17.646.206.286)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(23.019.500.148)	(25.916.766.033)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(23.292.595.708)	(31.819.350.636)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(223.535.262.269)	(259.187.663.770)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(20.632.616.597)	(16.764.674.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.984.309.822	21.666.706.681
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	73.000.000.000	80.367.415.440
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	43.724.916.945	36.744.192.768
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(90.000.000.000)	(126.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.724.916.945	(9.388.391.792)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(21.748.820.873)	(6.188.510.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.748.820.873)	(6.188.510.880)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.960.405.894	6.089.804.009
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	46.819.510.177	43.736.951.338
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	62.779.916.071	49.826.755.347



Nguyễn Văn Minh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2011

Phạm Minh Trí
Phó phòng kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC3/KDBH ngày 26 tháng 7 năm 2011. Theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng lên 380 tỷ đồng.

Công ty có trụ sở chính tại 343 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội và 9 chi nhánh: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nông nghiệp Hà Nội (“ABIC”) Hà nội, ABIC Hồ Chí Minh, ABIC Đà Nẵng, ABIC Nghệ An, ABIC Đắk Lak, ABIC Hải Phòng, ABIC Khánh Hòa, ABIC Cần Thơ, ABIC Thanh Hóa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 422 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 411 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bao gồm các nghiệp vụ về bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản vô hình khác. Phần mềm máy tính và các tài sản vô hình khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định về kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009) và Công văn phê duyệt số 15746/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính theo đó:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí giữ lại và đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí giữ lại trong kỳ.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ hoạt động chưa được giải quyết, Công ty trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR): Công ty đang áp dụng mức trích lập 5% tổng số tiền thực tế bồi thường trong kỳ hoạt động thuộc trách nhiệm của Công ty theo Công văn số 15746/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011.

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng kỳ theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Công văn phê duyệt số 15746/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - “Hợp đồng bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm 2011 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Việc phân phối lợi nhuận sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT/BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua nợ phí.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như cho lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	50.000.000.000	-
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (**)	513.000.000.000	496.000.000.000
Cho cán bộ công nhân viên vay (***)	4.232.071.909	-
Đầu tư ngắn hạn khác (****)	23.154.606.366	24.868.652.778
	590.386.678.275	520.868.652.778

(*) Thể hiện khoản đầu tư mà Công ty mua gồm 50 trái phiếu bằng mệnh giá thường, không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Vincom (mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu). Số trái phiếu này có thời hạn 5 năm, phát hành ngày 06 tháng 5 năm 2008 và đáo hạn vào ngày 06 tháng 5 năm 2013. Trái phiếu trả lãi hàng năm có lãi suất 16% vào năm đầu tiên, các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động trả sau kỳ hạn 1 năm bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng với 4%/năm.

(**) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm bằng đồng Việt nam tại các Chi nhánh /Sở giao dịch thuộc hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam. Lãi suất được hưởng từ 9% đến 12%/năm.

(***) Đây là khoản cho cán bộ, công nhân viên vay trong thời hạn 36 tháng để mua cổ phần Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp từ năm 2007 với lãi suất 10,2%/năm. Trong năm 2009, khoản vay này đã điều chỉnh kỳ hạn từ 36 tháng thành 60 tháng và lãi suất giảm từ 10,2%/năm xuống 8,4%/năm.

(****) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm tại Công ty cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC1) và Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam(ALC2). Lãi suất được hưởng từ 9% đến 13%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, khoản tiền gửi này đã quá hạn và được thu hồi dần bằng cổ tức được chia năm 2011. Hơn nữa, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã có kế hoạch mua lại phần vốn góp của ALC1 và ALC2 tại Công ty. Do đó, Công ty hoàn toàn tin tưởng có thể thu hồi đầy đủ phần nợ gốc và lãi của khoản tiền gửi trên.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	163.436.987.261	885.470.299.043
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	28.602.188.072	33.917.008.266
Ước tính phải thu từ đồng bảo hiểm cho các tổn thất chưa giải quyết	-	86.867.226.764
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	10.383.074.777	7.753.609.248
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	114.271.482.270	739.846.816.367
Phải thu hoạt động tài chính	10.180.242.142	17.085.638.398
Thuế GTGT được khấu trừ	32.647.687	-
Trả trước cho người bán	177.707.887	345.316.000
Các khoản phải thu khác	20.113.983.898	19.304.461.134
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính I (*)	18.025.000.000	18.025.000.000
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	77.610.383	73.257.692
Các khoản phải thu khác	2.011.373.515	1.206.203.442
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.332.388.094)	(1.858.137.223)
	180.428.938.639	903.261.938.954

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU (Tiếp theo)**

(*) Thể hiện khoản đặt cọc mua cổ phiếu tại Công ty Cho thuê Tài chính I - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC1). Hiện tại, ALC1 đang gặp vấn đề về thanh khoản và kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ nên quá trình cổ phần hóa bị tạm hoãn. ALC1 đã xác nhận khoản đặt cọc này nằm trong sổ dư tài khoản cổ phần hóa của ALC1 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Thăng Long và đợi khi có quyết định chính thức của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa của ALC1, ALC1 sẽ thông báo cho Công ty về việc trả lại số tiền đặt cọc hay tiếp tục cổ phần hóa ALC1. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng không có tổn thất nào đáng kể cần phải lập dự phòng cho khoản phải thu này.

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	-	16.632.035	8.783.657.211	4.476.562.160	219.530.000	13.496.381.406
Tăng trong kỳ	48.214.071.445	-	795.487.273	41.818.182	-	49.051.376.900
Tại ngày 30/6/2012	48.214.071.445	16.632.035	9.579.144.484	4.518.380.342	219.530.000	62.547.758.306
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	-	16.632.035	5.511.964.948	3.853.384.060	74.833.439	9.456.814.482
Trích khấu hao trong kỳ	722.707.371	-	745.695.250	225.672.256	27.441.252	1.721.516.129
Tại ngày 30/6/2012	722.707.371	16.632.035	6.257.660.198	4.079.056.316	102.274.691	11.178.330.611
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	47.491.364.074	-	3.321.484.286	439.324.026	117.255.309	51.369.427.695
Tại ngày 31/12/2011	-	-	3.271.692.263	623.178.100	144.696.561	4.039.566.924

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ VH khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	619.690.962	13.447.272.700	100.000.000	14.166.963.662
Tăng	517.000.000	-	-	517.000.000
Giảm do thanh lý	-	2.523.990.000	-	2.523.990.000
Tại ngày 30/6/2012	1.136.690.962	10.923.282.700	100.000.000	12.159.973.662
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	510.842.406	-	16.397.851	527.240.257
Trích khấu hao trong kỳ	94.736.550	-	16.666.668	111.403.218
Tại ngày 30/6/2012	605.578.956	-	33.064.519	638.643.475
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2012	531.112.006	10.923.282.700	66.935.481	11.521.330.187
Tại ngày 31/12/2011	108.848.556	13.447.272.700	83.602.149	13.639.723.405

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	14.719.049.811	65.136.880.000
- Cổ phiếu (*)	14.719.049.811	15.136.880.000
- Trái phiếu	-	50.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.469.045.276
- Cho cán bộ công nhân viên vay	-	4.469.045.276
Tổng đầu tư tài chính dài hạn	14.719.049.811	69.605.925.276
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.964.140.211)	(8.670.640.000)
	10.754.909.600	60.935.285.276

(*) Thể hiện giá gốc của 1.557.776 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trong đó, số cổ tức nhận bằng cổ phiếu đã nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 88.176 cổ phiếu. Dự phòng giảm giá đầu tư đang được trích lập theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

9. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	19.156.955.816	13.715.078.913
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	6.587.363.341	4.682.937.285
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	125.631.593.403	112.757.253.356
Phải trả khác cho người bán	89.589.704	697.160.807
	151.465.502.264	131.852.430.361

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế giá trị gia tăng	1.832.989.251	3.672.803.056	5.781.749.083	(275.956.776)
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.501.568.817	12.762.931.872	6.200.000.000	8.064.500.689
3. Thuế thu nhập cá nhân	168.619.625	1.815.247.005	1.880.525.037	103.341.593
4. Các loại thuế khác	69.537.249	164.160.877	165.219.839	68.478.287
Cộng	3.572.714.942	18.415.142.810	14.027.493.959	7.960.363.793

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	81.969.035	67.930.299
Bảo hiểm y tế	30.484.524	14.258.679
Kinh phí công đoàn	232.103.607	60.158.229
Phải trả kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Phải trả khác (*)	20.573.322.626	1.940.221.641
	20.918.879.792	2.083.568.848

(*) Phải trả khác bao gồm các khoản cổ tức chưa trả cho cổ đông, các khoản còn phải trả cho các đối tượng khác.

12. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	01/01/2012	Trích lập trong kỳ	Điều chỉnh (*)	30/6/2012
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí	158.821.887.127	8.301.217.444	-	167.123.104.571
Dự phòng bồi thường	776.985.296.368	22.704.468	718.507.338.797	58.500.662.039
Dự phòng dao động lớn	30.206.777.256	5.600.031.618	-	35.806.808.874
	966.013.960.751	13.923.953.530	718.507.338.797	261.430.575.484

(*) Điều chỉnh trong kỳ do Công ty nhận được Công văn số 5718/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc “Trích và hạch toán dự phòng bồi thường”. Theo đó, khi trích lập dự phòng nghiệp vụ, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ trích lập phần trách nhiệm giữ lại của mình mà không trích lập cho phần đồng bảo hiểm và phần nhượng tái bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***MẪU SỐ B 09-DNBH****13. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Nguồn vốn kinh doanh		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ dự trữ bắt buộc		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2011	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	2.808.684.339	-	-	-	-	-	-	35.323.915.932	416.234.200.271	54.315.803.008	(3.491.101.030)	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.315.803.008	54.315.803.008	(8.066.266.082)	(29.473.440.000)	
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	2.715.790.150	-	-	-	-	-	-	1.859.374.902	1.859.374.902	(500.000.000)	(500.000.000)	
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2011	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	5.524.474.489	-	-	-	-	-	-	1.859.374.902	437.085.462.249	38.195.817.491	(8.826.632.558)	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	38.195.817.491	(8.826.632.558)	
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	2.715.790.150	2.715.790.150	2.715.790.150	2.715.790.150	(14.258.212.858)	(36.841.800.000)	
Trả cổ tức trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(36.841.800.000)	(500.000.000)	
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30/6/2012	380.000.000.000	12.000.000.000	(13.898.400.000)	5.524.474.489	-	-	-	-	2.715.790.150	2.715.790.150	4.575.165.052	38.195.817.491	429.112.847.182		

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp số 38/2012/NQ-ABIC-DHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/6/2012 của Trung tâm lưu ký chứng khoán, tương đương 36.841.800.000 đồng và trích lập các quỹ với số tiền là 14.758.212.858 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH**13. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Nguồn vốn kinh doanh**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số vốn thực góp của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần như sau:

	Tại ngày 30/6/2012		Tại ngày 31/12/2011	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	153.000.000.000	40,26%	153.000.000.000	40,26%
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	32.000.000.000	8,42%	32.000.000.000	8,42%
Công ty cho thuê Tài chính I	21.000.000.000	5,53%	21.000.000.000	5,53%
Công ty cho thuê Tài chính II	21.000.000.000	5,53%	21.000.000.000	5,53%
Các cổ đông phổ thông	153.000.000.000	40,26%	153.000.000.000	40,26%
	380.000.000.000	100,00%	380.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	30/6/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	1.158.200	1.158.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	36.841.800	36.841.800

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.276.540.675	1.616.848.551
Chi phí nhân công	54.320.874.652	34.240.744.615
Công cụ, dụng cụ văn phòng	894.778.764	891.859.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.832.919.347	1.275.612.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.367.847.783	6.844.675.397
Thuế và các khoản lệ phí khác	2.125.626.740	626.903.018
Dự phòng phải thu khó đòi	1.474.250.871	6.404.550
Chi phí bằng tiền khác	15.902.335.805	13.597.653.055
	88.195.174.637	59.100.700.744

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	39.279.568.194	35.756.886.048
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.889.744	165.793.160
	39.282.457.938	35.922.679.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.354.533	193.921.532
Chi phí hoạt động tài chính khác	69.840.973	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.706.499.789)	-
	(4.624.304.283)	193.921.532

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	50.958.749.363	50.847.131.883
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	92.978.124	120.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.978.124	-
- Thù lao Hội đồng quản trị	60.000.000	120.000.000
Thu nhập chịu thuế	51.051.727.487	50.967.131.883
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.762.931.872	12.741.782.971

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	38.195.817.491	38.105.348.912
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	38.195.817.491	38.105.348.912
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phiếu	36.841.800	36.841.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.036,75	1.034,30

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.779.916.071	46.819.510.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.218.583.065	902.916.622.954
Đầu tư ngắn hạn	590.386.678.275	520.868.652.778
Đầu tư dài hạn	10.754.909.600	60.935.285.276
Tổng cộng	844.140.087.011	1.531.540.071.185
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	172.039.824.890	133.793.652.002
Dự phòng bồi thường	58.500.662.039	776.985.296.368
Công nợ tài chính khác	589.816.596	589.816.596
Tổng cộng	231.130.303.525	911.368.764.966

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
Đô la Mỹ (USD)	11.887.752.834	13.284.969.435	14.798.032.817	13.004.441.673
Bạt Thái (THB)	7.677.791	-	-	-
Yên Nhật (JPY)	4.069.984	2.166.561	-	-
Đô la Singapore (SGD)	124.547	50.014	-	-
Bảng Anh (GBP)	139.463.913	3.936.801	-	-
Euro (EUR)	525.177.000	334.617.409	513.965.228	73.894.954
Ringgit Malaysia (MYR)	209.138.863	-	96.289.663	-
Won Hàn Quốc (KRW)	285.892.422	-	28.658.955	-

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá các khoản đầu tư góp vốn. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Dưới 1 năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	172.039.824.890	133.793.652.002
Dự phòng bồi thường	58.500.662.039	776.985.296.368
Công nợ tài chính khác	589.816.596	589.816.596

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính không bao gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Dưới 1 năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.779.916.071	46.819.510.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.218.583.065	902.916.622.954
Đầu tư ngắn hạn	590.386.678.275	520.868.652.778
Từ 1- 5 năm		
Đầu tư dài hạn	10.754.909.600	60.935.285.276
Tổng cộng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.779.916.071	46.819.510.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.218.583.065	902.916.622.954
Đầu tư ngắn hạn	590.386.678.275	520.868.652.778
Đầu tư dài hạn	10.754.909.600	60.935.285.276

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	
Doanh thu phí bảo hiểm	25.265.744.280
Doanh thu lãi tiền gửi	24.720.044.610
Công ty cho thuê Tài chính I	
Doanh thu lãi tiền gửi	349.386.393
Công ty cho thuê Tài chính II	
Doanh thu lãi tiền gửi	1.095.118.775
Công ty chứng khoán ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam	
Thu lãi đầu tư chứng khoán	3.005.013.318
Ban Tổng Giám đốc	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ	881.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP343 Đội Cấn, quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	56.443.772.450	43.580.476.362
Tiền gửi có kỳ hạn	519.000.000.000	502.000.000.000
Lãi dự thu	8.801.810.612	9.610.354.099
Phải thu phí bảo hiểm	-	10.345.450.510
Phải trả chi phí hoa hồng và chi phí đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	7.938.949.754	2.442.235.280
Công ty cho thuê Tài chính I		
Ký quỹ mua cổ phiếu	18.025.000.000	18.025.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.293.363.000	5.580.000.000
Lãi dự thu	12.880.089	463.976.611
Công ty cho thuê Tài chính II		
Tiền gửi có kỳ hạn	18.861.243.366	19.288.652.778
Lãi dự thu	197.743.217	1.078.821.006
Công ty chứng khoán ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam		
Đầu tư cổ phiếu	14.719.049.811	15.136.880.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	4.232.071.909	4.469.045.276

21. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/6/2011</u>
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	8,66	10,32
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,34	89,68
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	53,59	51,39
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	46,41	48,61
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,87	1,95
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,62	4,99
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,27	0,32
2.4. Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	22,55	24,34
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	16,90	18,24
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,51	3,25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,13	2,44
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,90	8,72

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa được soát xét. Việc trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thuyết minh tương ứng chỉ có tính chất tham khảo do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Văn Minh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Phạm Minh Trí
Phó phòng kế toán